

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Hà Thị Hoà

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu phố NM, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Khu phố NM, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị T, anh D. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2004, nhưng mãi đến ngày 23/8/2005 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Ngọc Khê (nay là thị trấn NL), huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm.

Ngoài ra, anh **D** thường xuyên uống rượu, về còn chửi bới, đánh đập vợ con. Khi chị đi làm thì anh hay ghen tuông vô cớ rồi đập phá tài sản. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Năm 2017, chị đã làm đơn ly hôn gửi xuống Toà án, nhưng vì thương con và anh **D** hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến nay anh **D** vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **D**.

Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Văn **K**, sinh ngày 23/12/2005, cháu Phạm Văn **D**, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Phạm Văn **KG**, sinh ngày 29/01/2013. Hiện cháu **K** và cháu **D** đang ở với chị, cháu **KG** ở với anh **D**. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K** và cháu **D**, giao cháu **KG** cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi cháu **D** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu **K** và cháu **KG**.

Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **D** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, chị **T** có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nhưng anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Văn **K**, sinh ngày 23/12/2005, cháu Phạm Văn **D**, sinh ngày 20/02/2010 và cháu Phạm Văn **KG**, sinh ngày 29/01/2013. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **D** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **D** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Phạm Thị **T** được ly hôn anh Phạm Văn **D**. Giao cháu Phạm Văn **K**, sinh ngày 23/12/2005 và cháu Phạm Văn **D**, sinh ngày 20/02/2010 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Văn **KG**, sinh ngày 29/01/2013 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **D** cấp dưỡng nuôi cháu **D** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi

cháu **K** và cháu **KG**.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **T** và anh **D** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn **D** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **D** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **D**.

Chị Phạm Thị **T** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **T** và anh Phạm Văn **D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2005 tại UBND xã Ngọc Khê (nay là thị trấn **NL**), huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND thị trấn **NL** xác nhận. Anh **D** cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ chị **T**, anh **D** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **T** được ly hôn anh **D**.

[3] Về con cái: Chị **T** và anh **D** có 03 con chung. Xét thấy, hiện tại cháu **K** và cháu **D** đang ở với chị **T**, cháu **KG** ở với anh **D**. Cháu **K** và cháu **D** có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu **KG** có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao cháu **K** và cháu **D** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **KG** cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trách nhiệm nuôi dưỡng các cháu là của cả chị **T** và anh **D**, chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Xét thấy mức đề nghị cấp dưỡng của chị **T** là phù hợp, buộc anh **D** phải cấp dưỡng nuôi cháu **D** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu **K** và cháu **KG**.

[4] Về tài sản: Chị **T**, anh **D** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **T** được ly hôn anh Phạm Văn **D**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Văn **K**, sinh ngày 23/12/2005 và cháu Phạm Văn **D**, sinh ngày 20/02/2010 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Văn **KG**, sinh ngày 29/01/2013 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **D** cấp dưỡng nuôi cháu **D** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu **K** và cháu **KG**.

Chị **T**, anh **D** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011774 ngày 21/10/2021. Chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn **D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị **T**, anh **D** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT **NL**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hoà

Nguyễn Thanh Tân

